



# BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TÀI LIỆU

Hội nghị Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long  
thích ứng với biến đổi khí hậu

**ĐỊNH HƯỚNG THỦY LỢI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG  
THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**



Cần Thơ, tháng 9/2017

## NỘI DUNG BÁO CÁO

1. Tổng quan

2. Quá trình phát triển thủy lợi

3. Bối cảnh phát triển thủy lợi

4. Quan điểm, định hướng phát triển thủy lợi

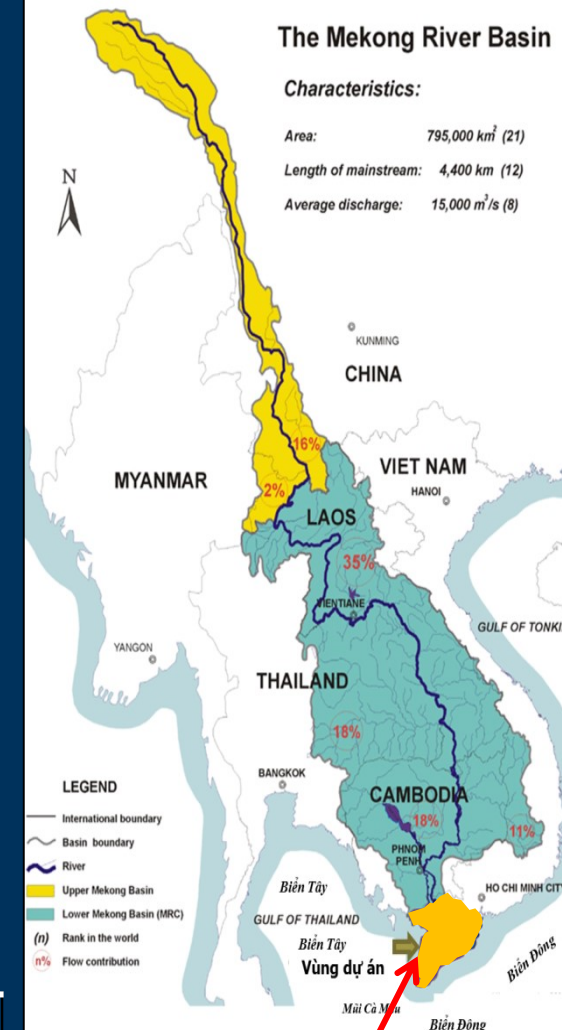
5. Kiến nghị

# ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

- Diện tích khoảng **3.96** triệu ha, chiếm **5%** diện tích lưu vực sông Mê Công.
- Tổng lượng dòng chảy trung bình vào Việt Nam **475** tỷ m<sup>3</sup>, chiếm khoảng **56%** tổng lượng nước trên lãnh thổ Việt Nam;
- Mùa mưa tháng 6 → 11 chiếm 70%-85%; mùa khô tháng 12 → 5 chiếm 15%-30% dòng chảy năm;
- Chịu ảnh hưởng triều biển Đông, biển Tây; gió mùa Tây-Nam, Đông – Bắc.

## Cao độ địa hình

| Cao độ (m)   | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
|--------------|----------------|-----------|
| < 0.5 m      | 1.146.000      | 28,1%     |
| 0.5 m – 1.0m | 1.758.000      | 44,4%     |
| 1.0m – 2.0m  | 909.000        | 23,0%     |
| >2.0m        | 145.000        | 3,7%      |



# ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN



- **Hạn hán và thiếu nước ngọt:** Bình thường 1,8-2,0 triệu ha. Xu thế ngày càng rõ rệt và nghiêm trọng hơn, đặc biệt năm 2016 là 2,45 triệu ha.
- **Xâm nhập mặn:** 1,4-1,6 triệu ha. Cơ bản đã được bảo vệ, ngoại trừ khoảng 0,75 triệu ha nuôi trồng thủy sản lợ-mặn.
- **Chua phèn:** 1,4-1,6 triệu ha (đất phèn nặng 0,8-0,9 triệu ha). Hiện còn 120.000 ha chưa thể cải tạo để SXNN (Tứ Giác Hà Tiên, Bo Bo-Bắc Đông).
- **Lũ và ngập lụt:** 1,2-1,9 triệu ha (Kiểm soát triệt để khoảng 1 triệu ha, còn lại là kiểm soát lũ đầu vụ).
- **Xói lở & bồi lắng sông, kênh:** Xảy ra chủ yếu trên dòng chính sông Tiền, sông Hậu và bờ biển.



# QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



1975

Sau giải phóng

Thăm dò tìm giải pháp thủy lợi phục vụ phát triển lúa.

Đề xuất Định hướng PTTL ĐBSCL

1986

Thời kỳ đổi mới

Giải pháp dẫn nước ngọt, ém phèn, tiêu chua, cải tạo đất, khai hoang phục vụ trồng lúa.

QĐ 99/1996

1996

Thời kỳ mở cửa

-Bước đầu phục vụ đa dạng hóa nông nghiệp;  
thủy sản;  
-Hình thành quan điểm sống chung với lũ.

QĐ 84/2006

2010

Ứng phó với NBD

-Bước đầu chuyển đổi TL đáp ứng nền NN thích ứng BĐKH;  
- TL phục vụ TCC nông nghiệp;  
- Phát triển TL bền vững phù hợp hệ sinh thái.

QĐ 1397/2012

2017

# QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



## Kết quả nghiên cứu chính về thủy lợi, nông nghiệp liên quan đến ĐBSCL giai đoạn trước năm 1975:

- Nghiên cứu quy hoạch thủy lợi vùng Tây sông Hậu, ĐTM (Hansi), các vùng Gò Công, Thạnh Quới, Đồng Tháp Mười, Tầm Phương;
- Quy hoạch chỉ đạo lưu vực (Ủy ban quốc tế sông Mê Công, 1968); Nghiên cứu của đoàn phát triển Đồng bằng Hà Lan (1974);
- ✓ Nghiên cứu ở mức khái quát, đơn lẻ.
- ✓ Kết quả nghiên cứu cho rằng không thể cải tạo được đất phèn cho sản xuất nông nghiệp tại vùng ĐBSCL.
- ✓ Thủy lợi chủ yếu phục vụ sản xuất 1 vụ lúa ở những khu vực thuận lợi về nguồn nước (đất phù sa, ven sông Mekong).



# QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



## Giai đoạn 1976-1986:

**Quan điểm:** Thủy lợi phục vụ khai hoang, tăng vụ, mở rộng diện tích trồng lúa.

**Kết quả:** Đào kênh dẫn nước ém phèn, tiêu chua cải tạo đất; Né lũ, đắp bờ bao bảo vệ lúa Hè Thu, xuống giống Đông Xuân;

Đào mới các kênh dẫn nước, tiêu úng, xở phèn vùng giữa; Mở rộng vùng ngọt hóa (Gò Công, Nam Măng Thít...);

→ Góp phần đưa sản lượng lúa từ 4,7 triệu tấn (1975) lên 7 triệu tấn (1985); Khai hoang 282.000 ha; Bước đầu chứng minh có thể cải tạo đất phèn;

**Tồn tại:** Hệ thống trạm bơm lớn không phát huy hiệu quả.



# QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



## Giai đoạn 1986-1996:

**Quan điểm:** Tiếp tục phục vụ gia tăng tối đa sản lượng lúa, màu đáp ứng yêu cầu an ninh lương thực.

### Kết quả:

- Nghiên cứu quy hoạch phòng chống lũ (1987-1994); Master Plan (VIE 87/031) phục vụ thay đổi cơ cấu mùa vụ, giảm độc canh cây lúa;
  - Xây dựng đê bao, cống ngăn mặn, mở rộng phạm vi ngọt hóa, mở rộng hai vụ, vườn cây ăn trái, cây màu;
  - Hoàn thiện xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, dân cư...);
- Đã khẳng định có thể cải tạo đất phèn bằng giải pháp thủy lợi → Góp phần đưa sản lượng lúa lên 13 triệu tấn (1995).

**Tồn tại:** HTTL về tổng thể chưa khép kín; Chưa kết hợp đồng bộ giữa giao thông, thủy lợi và dân cư.



# QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



## Giai đoạn 1996-2010:

**Quan điểm:** Tiếp tục quan điểm sống chung với lũ. Thủy lợi phục vụ đa dạng hóa nông nghiệp, thủy sản.

**Kết quả:** Ổn định cơ sở hạ tầng dân cư vượt lũ năm 2000; Vùng ngập nông kiểm soát lũ cả năm; vùng ngập sâu chống lũ tháng 8, vùng ven biên giới không KSL, sản xuất theo thích nghi; **Thủy lợi phục vụ đa dạng hóa cây trồng, NTTS ven biển** → Góp phần chuyển 1,7 triệu ha lúa mùa nổi thành 2 triệu ha lúa 2 vụ; Sản lượng lúa đạt 24 triệu tấn. Khai hoang 473.000 ha (TGLX, ĐTM, BĐCM).

**Tồn tại:** Thiếu kiểm soát thực hiện quy hoạch, phát triển quá mức đê bao vùng ngập sâu để sản xuất lúa vụ 3; **bước đầu xuất hiện ô nhiễm nguồn nước** do quá trình ngọt hóa, hoạt động NTTS.



# BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



**Giai đoạn 2010 đến nay:** Thủy lợi từng bước thích ứng BĐKH phục vụ KT-XH và nền nông nghiệp mới, hội nhập trong bối cảnh nảy sinh nhiều vấn đề.

## 1. Phát triển tại vùng ĐBSCL:

- Do đòi hỏi từ thực tiễn, chuyển dịch cơ cấu SXNN từng bước hình thành; thu nhập từ NTTS tăng dẫn đến mâu thuẫn chia sẻ nguồn nước; hình thành HTTL kiểm soát nước mặn, ngọt;
- Phát triển đê bao bảo vệ lúa vụ 3 tăng nhanh so với quy hoạch từ 0,5 triệu ha (2010) đến 0,8 triệu ha (2016).
- Ô nhiễm nguồn nước do duy trì mô hình ngọt hóa đã xuất hiện ở vùng ven biển; ô nhiễm do NTTS...
- Sạt lở bờ sông, bờ biển ngày càng trầm trọng;
- Ngập úng đô thị (Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau...)
- Sụt lún đất (Cà Mau, Cần Thơ..)
- Ngập lũ (2011); hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn (2015-2016) gây thiệt hại lớn đến sản xuất, dân sinh.



# BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



## 2. Bối cảnh phát triển tại các quốc gia thượng nguồn:

- Phát triển thủy điện: Trung Quốc đã hoàn thành 6 thủy điện lớn; xâm nhập mặn xuất hiện sớm, phù sa, bùn cát giảm rõ rệt tại ĐBSCL; Lào đang xây dựng TĐ Xayaburi và Don Sahong.
- Thái Lan có kế hoạch chuyển nước 850 m<sup>3</sup>/s từ sông Mekong sang vùng Đông Bắc Thái Lan;

Nếu xây dựng các bậc thang thủy điện, thực hiện các dự án chuyển nước từ lưu vực sông Mekong sang lưu vực sông khác (chủ yếu của Thái Lan) sẽ có tác động bất lợi trầm trọng đến vùng ĐBSCL cả về chế độ dòng chảy, bùn, cát, hệ thủy sinh, sản lượng nông nghiệp, thủy sản và hệ sinh thái.

### Thông tin phát triển thủy điện Mekong

| Quốc gia             | Hiện tại |                          | Quy hoạch |                          |
|----------------------|----------|--------------------------|-----------|--------------------------|
|                      | Số hồ    | Whi (tỷ m <sup>3</sup> ) | Số hồ     | Whi (tỷ m <sup>3</sup> ) |
| Trung Quốc           | 6        | 23.0                     | 13        | 25.1                     |
| Thái Lan             | 7        | 3.6                      | 9         | 4.9                      |
| Lào                  | 16       | 12.2                     | 110       | 58.8                     |
| Campuchia            | 1        | 0.0                      | 21        | 18.4                     |
| Việt Nam (T. nguyên) | 14       | 2.8                      | 15        | 3.2                      |
| Tổng                 | 44       | 41.6                     | 168       | 110.4 <sup>11</sup>      |

# BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



## 3. Bối cảnh biến đổi khí hậu:

- **Kịch bản trung bình:** nhiệt độ tăng  $1,7-1,9^{\circ}\text{C}$ ; mưa tăng 5-15%;
- **Kịch bản cao:** nhiệt độ tăng  $3,0^{\circ}\text{C}-3,5^{\circ}\text{C}$ ; Mưa tăng 20%, tăng tập trung vào mùa mưa.

Theo dự báo của quốc tế vùng ĐBSCL là một trong năm châu thổ chịu ảnh hưởng nặng nhất do BĐKH;

- NBD 0.5m → ngập 177.800ha (4.48% ĐBSCL);
- NBD 1.0m → ngập 1,5 triệu ha (38.9% ĐBSCL).

BĐKH với biểu hiện cực đoan về thời tiết, khí hậu đã tác động lớn tới ĐBSCL.



# BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



Trước thách thức từ nhu cầu phát triển tại vùng đồng bằng, phát triển thượng nguồn và BĐKH  
→ BCHTW, Quốc hội, Chính phủ **có quyết sách**:

- **BCHTW** ban hành Nghị quyết 24-NQ/TW (2013) về **chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường**.
- **UBTV Quốc hội** ban hành Nghị quyết 853/NQ-UBTVQH13 (2014) về kết quả **giám sát và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó BĐKH ở ĐBSCL**;
- **Chính phủ** ban hành: Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của BCHTW, Quốc hội; Ban hành **Chương trình mục tiêu về BĐKH và tăng trưởng xanh** (2010-2015 và 2016-2020); Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp;



# BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



## Bộ Nông nghiệp và PTNT hợp tác với quốc tế triển khai:

- HT với Na Uy nghiên cứu **sụt lún đất**-công bố kết quả ban đầu năm 2012;
- HT với JICA đánh giá **tác động BĐKH** đến SXNN (từ 2011);
- HT với Hà Lan, Bộ TN&MT xây dựng **Kế hoạch châu thổ** (từ 2010).
- HT với GIZ nghiên cứu **bảo vệ tổng hợp vùng bờ và phục hồi rừng ngập mặn** ở ĐBSCL (từ năm 2015).
- HT các tổ chức quốc tế hình thành các dự án ODA **thích ứng BĐKH, sinh kế bền vững** tại vùng ĐBSCL...

## Bộ Nông nghiệp và PTNT từ năm 2009 đã triển khai rà soát các quy hoạch thủy lợi tại vùng ĐBSCL:

- QHTL vùng ĐBSCL **trong điều kiện BĐKH và NBD**,
- QHTL phục vụ **nuôi trồng thủy sản**;
- QHTL phục vụ **tái cấu trúc nông nghiệp**;
- QHTL **chống ngập cho các đô thị** (TP. HCM; Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau...); Quy hoạch **phòng, chống lũ**;...

# NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



- Do **tác động kép** do **BĐKH** với tác động bất lợi từ **phát triển thượng nguồn**, **phát triển nội tại** tại vùng ĐBSCL → úng ngập, xâm nhập mặn, xói lở **xuất hiện sớm** hơn rất nhiều so với kịch bản BĐKH đã dự báo, đồng thời xuất hiện với cường độ ngày càng tăng, và **cần thời gian dài** để đi đến **trạng thái cân bằng ổn định mới**.
- Tác động bất lợi đến vùng ĐBSCL rất **khó dự báo** do chịu nhiều cấp bậc tác động: BĐKH trên **phạm vi toàn cầu**; trên **phạm vi liên quốc gia** (hoạt động phát triển thượng nguồn Mekong; hợp tác Mekong, Mekong- Lan Thương); ở **phạm vi quốc gia** (hoạt động phát triển nội vùng tại ĐBSCL).
- Hoạt động phát triển các ngành, lĩnh vực tại ĐBSCL hiện **chưa đồng bộ, thống nhất** do thiếu cơ chế có hiệu quả để điều phối liên ngành, liên vùng.



# QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN THỦY LỢI ĐBSCL



Trước tác động kép, có khả năng diễn ra nhanh, mạnh, khó lường, định hướng thủy lợi phục vụ tối đa, chủ động nguồn nước cho phát triển kinh tế, bảo đảm tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng thích ứng, đảm bảo nhu cầu an sinh.

1. Đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế-xã hội, của nền nông nghiệp mới, có giá trị kinh tế cao, hội nhập sâu rộng vào thị trường thế giới;
2. Phát triển thủy lợi phục vụ cho nền nông nghiệp thích ứng với BĐKH; phát huy lợi ích từ các hệ sinh thái thích nghi với BĐKH. Thủy lợi phục vụ SXNN thích ứng với ngập lũ tại vùng trên; SXNN nước ngọt là chủ đạo tại vùng giữa; SXNN nước mặn, lợ vùng ven biển;
3. Ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai; phải có giải pháp bảo đảm phát triển kinh tế, cấp nước cho dân sinh cho kịch bản bất lợi.
4. Người dân phải bảo đảm chủ động tích trữ nước tại chỗ phục vụ sinh hoạt;
5. Kế thừa, điều chỉnh, phát huy hiệu quả công hệ thống thủy lợi đã có; tiếp tục đầu tư hoàn thiện đồng bộ các hệ thống công trình thủy lợi đã được rà soát phù hợp, hoàn chỉnh khép kín các hệ thống thủy lợi với các kịch bản phát triển;
6. Phục hồi hệ sinh thái, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên;
7. Thực hiện đồng bộ, quản lý liên vùng, liên ngành, có lộ trình phù hợp.

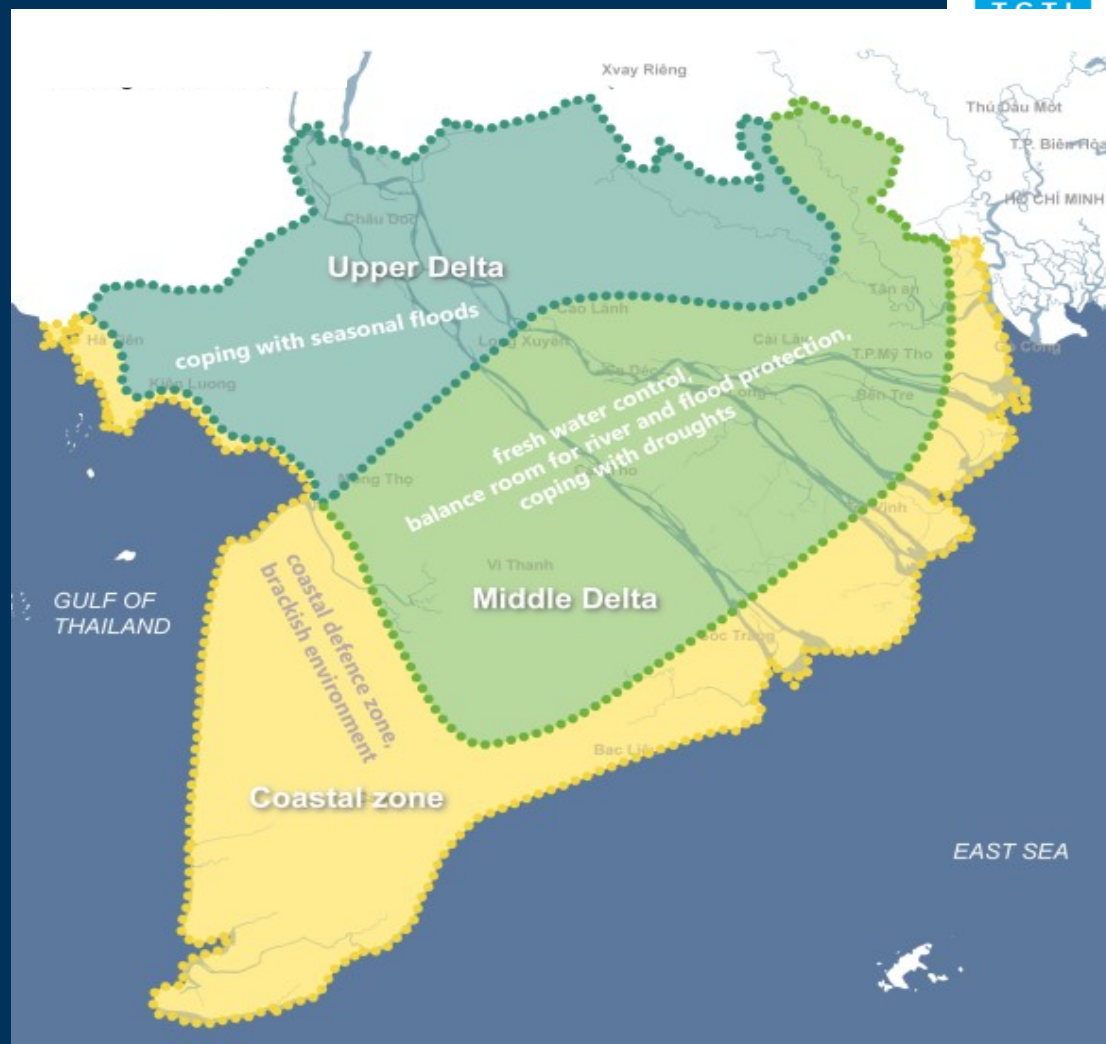
# PHÂN VÙNG THỦY LỢI ĐBSCL



**1. Vùng Trên:** Thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng với lũ và ngập nước

**2. Vùng Giữa:** Thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp nước ngọt

**3. Vùng Ven biển:** Thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng với nước mặn, lợ



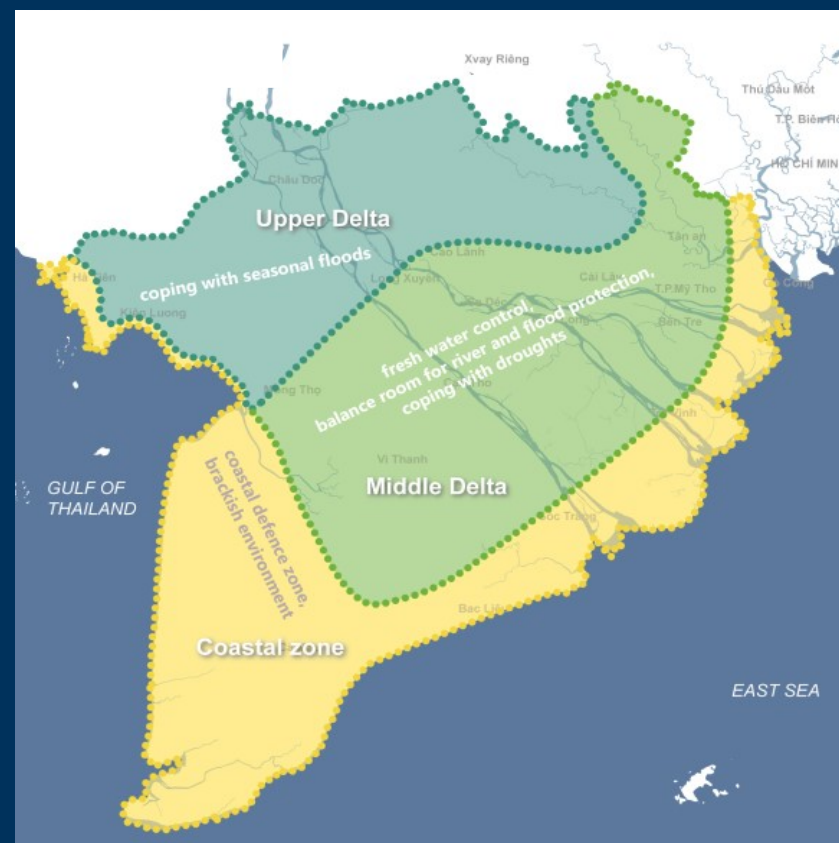
Phân vùng chỉ mang tính tổng quát trong điều kiện trung bình, giải pháp cụ thể tại từng vùng tùy thuộc vào đặc điểm từng vùng, đặc thù thiên tai.

# ĐỊNH HƯỚNG THỦY LỢI VÙNG TRÊN



Tiếp tục thực hiện quan điểm “sống chung với lũ một cách chủ động”, phục vụ chuyển đổi NN từ 3 vụ lúa sang sản xuất nông nghiệp thích ứng với ngập lũ:

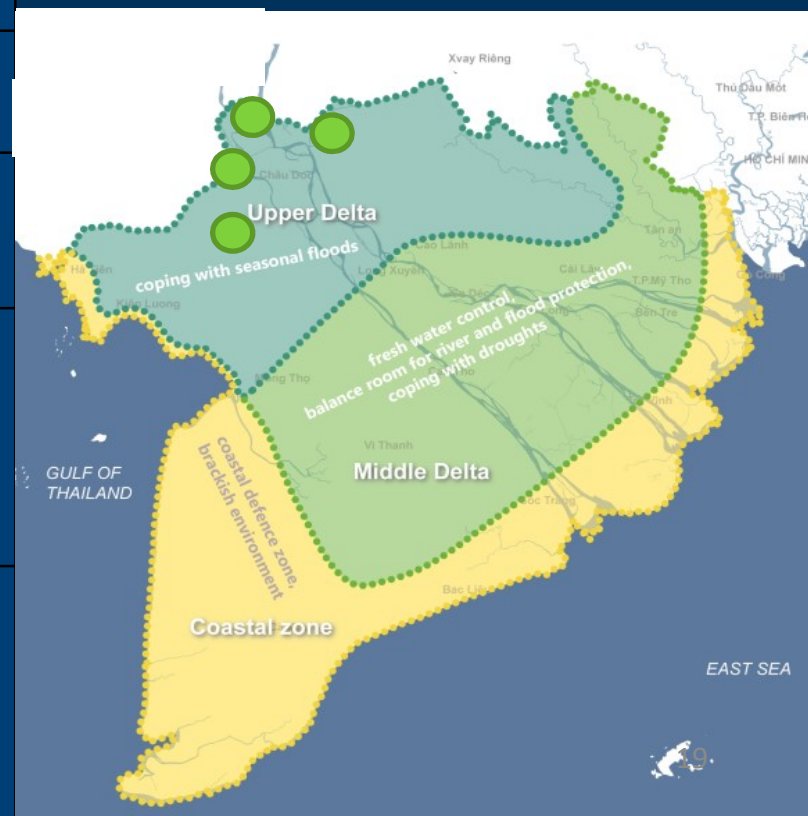
- ✓ Kiểm soát lũ tràn biên giới; nạo vét kênh rạch tăng khả năng thoát lũ, cấp nước; thực hiện các khoảng không gian thoát lũ ở vùng ĐTM và TGLX;
- ✓ Tận dụng các mặt lợi do lũ mang lại (phù sa, vệ sinh đồng ruộng, nguồn lợi thủy sản), thích nghi với sinh kế mùa lũ; phát triển NTTS nước ngọt;
- ✓ Từng bước chuyển đổi sản xuất vụ 3 sang SX thích ứng ngập nước;
- ✓ Có giải pháp trữ nước ngọt trên ruộng và hệ thống kênh rạch, cấp nước ngọt vào mùa khô;
- ✓ Phòng chống sạt lở bờ sông; đảm bảo an toàn dân cư trong mùa lũ.



# CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI CHÍNH VÙNG TRÊN



| STT  | Tên dự án                                                                                                                                                                    | TMĐT<br>(tỷ đồng) |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| I    | VÙNG TRÊN                                                                                                                                                                    | 4.706             |
| 1    | Cống Tha La, cống Trà Sư (KSL tràn biên giới)                                                                                                                                | 233               |
| 2    | Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (WB9)                                                                                                            |                   |
| TDA1 | Nâng cao khả năng thoát lũ và thích ứng biến đổi khí hậu cho vùng Tứ giác Long Xuyên (Hạn chế ngập lũ vùng TGLX)                                                             | 943               |
| TDA2 | Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cữu Long huyện An Phú tỉnh An Giang (Duy trì vùng trữ lũ Nâng cao sinh kế vùng lũ cho huyện An Phú) | 650               |
| TDA3 | Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững, thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười (các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp) Hạn chế ngập lũ vùng ĐTM        | 664               |

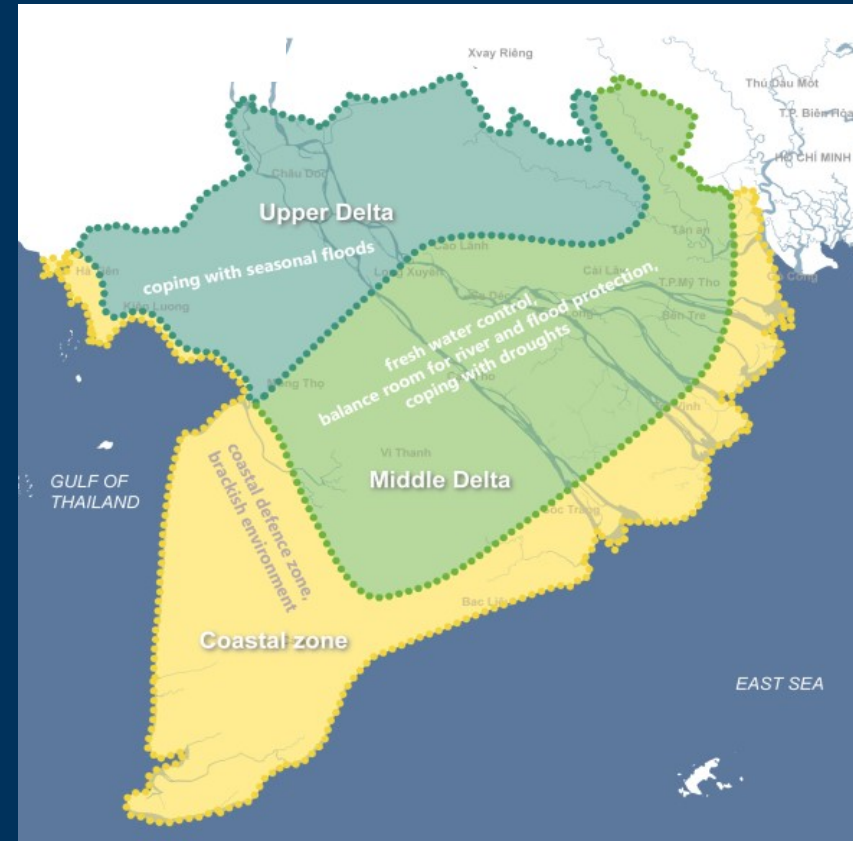


# ĐỊNH HƯỚNG THỦY LỢI VÙNG GIỮA



Tăng cường khả năng **cấp nước từ sông; phòng chống hạn hán, úng ngập đô thị (HCM, Cần Thơ, Vĩnh Long)**:

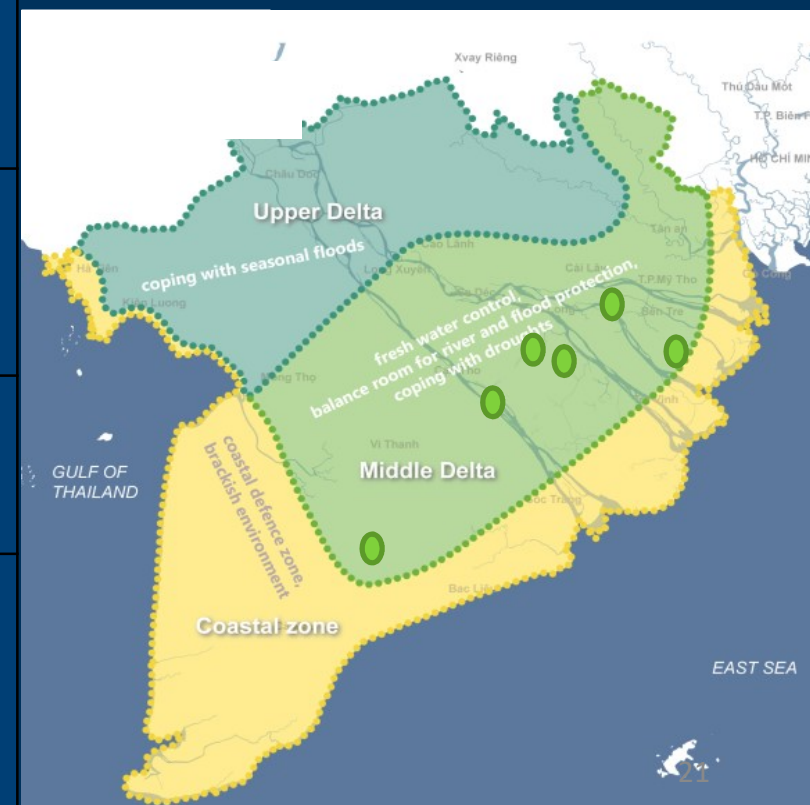
- ✓ **Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cửa van** đóng mở cưỡng bức để tăng khả năng lấy nước, kiểm soát mặn;
- ✓ **Nạo vét, nâng cấp các kênh nối sông Tiền với sông Hậu**, nhằm tăng khả năng thoát lũ, phân phối lại tỷ lệ dòng chảy sông Mekong (51/49);
- ✓ **Nạo vét các kênh trực nối sông Hậu với biển Tây**;
- ✓ Hoàn chỉnh, xây dựng mới **quy trình vận hành** các hệ thống thủy lợi;
- ✓ Hoàn thiện hệ thống **đê bao, bờ bao, cống bọng** bảo vệ vườn cây ăn trái.
- ✓ Tiếp tục nghiên cứu các **cống ven sông** (kiểm soát lũ, tăng khả năng lấy nước vào mùa khô, kiểm soát mặn).



# CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI CHÍNH VÙNG GIỮA



| STT | Tên dự án                                                                                                     | TMĐT<br>(tỷ đồng) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| II  | VÙNG GIỮA                                                                                                     | 7.299             |
| 1   | Cổng âu thuyền Ninh Quới (Tăng khả năng cấp nước cho BĐCM, kiểm soát nước vùng QLPH)                          | 400               |
| 2   | Hệ thống thủy lợi trạm bơm cống Xuân Hòa (Tăng khả năng cấp nước ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn HTTL Gò Công)  | 250               |
| 3   | Nạo vét kênh Mây Phốp - Ngã Hậu (Tăng khả năng cấp nước HTTL Nam Mỹ Tho)                                      | 458               |
| 4   | Quản lý nước Bến Tre sử dụng ODA vốn vay Chính phủ Nhật Bản (JICA3) (Phát triển bền vững vùng sinh thái ngọt) | 6191              |

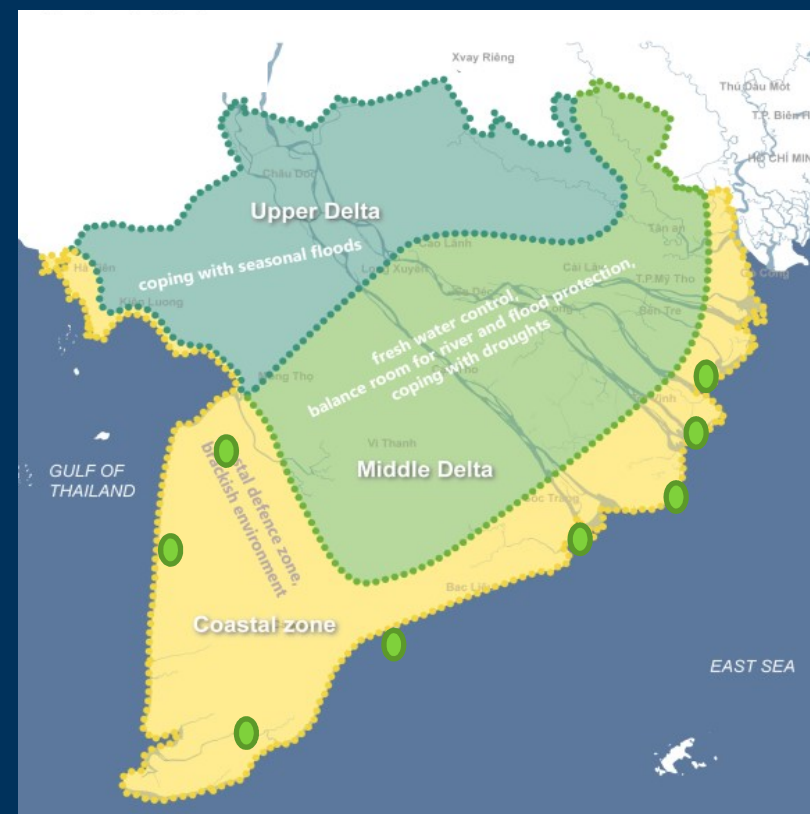


# ĐỊNH HƯỚNG THỦY LỢI VÙNG VEN BIỂN



Thích ứng **kinh tế mặn, lợ**; nâng cấp hệ thống đê biển, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ **NTTS nước lợ gắn với sinh kế**:

- ✓ Khoanh vùng sinh thái mặn để có phương thức sản xuất gắn với sinh thái mặn bền vững;
- ✓ Hệ thống thủy lợi phục vụ hệ sinh thái, phát triển **thủy sản mặn-lợ**, gắn với sinh kế;
- ✓ Đầu tư cơ sở hạ tầng cấp nước (ngọt, mặn) phục vụ vùng NTTS công nghiệp, tập trung;
- ✓ Tiếp tục nghiên cứu nhiệm vụ theo hướng phòng, chống thiên tai của hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé;
- ✓ Nạo vét mở rộng các kênh tiếp nước ngọt cho vùng ven biển;
- ✓ Tổ chức lại sản xuất, đầu tư hạ tầng cho thủy sản.



# CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI CHÍNH VÙNG VEN BIỂN



| STT   | Tên dự án                                                                                                                                       | TMĐT (tỷ đồng) |        |                                                                                                                                                                                                         |             |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| III   | <b>VÙNG VEN BIỂN</b>                                                                                                                            | <b>7.654</b>   |        |                                                                                                                                                                                                         |             |
| 1     | Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (WB9)                                                                               |                | TDA 8  | Hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng với biến đổi khí hậu TP. Bạc Liêu, các huyện Hòa Bình, Đông Hải, Phước Long và Hồng Dân<br>(NTTS bền vững)    | 780         |
| TDA4  | Phát triển và ổn định sinh kế, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ven biển huyện Ba Tri tỉnh Bến Tre (Hoàn thiện tuyến đê biển Ba Tri)         | 310            | TDA 9  | Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng để chống xói lở bờ biển, khôi phục rừng ngập mặn, thích ứng biến đổi khí hậu vùng ven biển tỉnh Cà Mau và Hồ chứa nước ngọt (Phòng chống cháy rừng, NTTS, cấp nước SH) | 727         |
| TDA 5 | Cải thiện sinh kế, thích ứng với biến đổi khí hậu cho vùng Nam Thạnh Phú tỉnh Bến Tre (Trồng rừng ổn định sinh kế mặn lợ)                       | 529            | TDA 10 | Hạ tầng kỹ thuật phục vụ nâng cao sinh kế, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng An Minh – An Biên                                                                                                        | 736         |
| TDA 6 | Kiểm soát nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu cho vùng Nam Măng Thít (Hoàn chỉnh HTTL, sinh kế ven biển, trồng rừng)                     | 746            | 3      | Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre                                                                                                                                                                           | 215         |
| TDA7  | Hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung | 799            | 4      | Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II, III, V (Cà Mau)                                                                                                                                                         | 500         |
|       |                                                                                                                                                 |                | 5      | Hệ thống thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé giai đoạn 1                                                                                                                                                          | 23<br>3.309 |



## VỐN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020

| DANH MỤC                         | TMĐT (Tỷ đồng) |
|----------------------------------|----------------|
| <b>Tổng vốn đầu tư</b>           | <b>25.817</b>  |
| <i>Các dự án đã bố trí vốn</i>   | <i>20.660</i>  |
| <i>Các dự án chưa bố trí vốn</i> | <i>5.157</i>   |

# ĐỀ XUẤT



- ✓ Tăng cường **hợp tác tiểu vùng Mekong, Mekong – Lan Thương**.
- ✓ Xây dựng chương trình **bảo vệ hệ thống kênh rạch** (cấp nước, thoát nước, chống sạt lở, ô nhiễm); quy hoạch **bố trí dân cư, từng bước di dời dân** ở những khu vực nguy hiểm; chương trình cơ sở hạ tầng thủy lợi phục vụ **vùng nuôi tôm công nghiệp, cá tra tập trung**;
- ✓ Đẩy nhanh thực hiện các dự án JICA, WB, trái phiếu Chính phủ đã rà soát;
- ✓ Tổ chức **nạo vét sông, kênh, rạch** vùng ĐBSCL để tăng khả năng cấp nước, thoát lũ và sử dụng vật liệu nạo vét phục vụ san lấp;
- ✓ Tập trung **điều tra cơ bản, nghiên cứu và ứng dụng** khoa học công nghệ trong công tác thủy lợi;
- ✓ **Kiểm soát chặt chẽ môi trường nước**;
- ✓ Nâng cao năng lực **cảnh báo, dự báo hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lũ...**

# KIẾN NGHỊ

## 1. Chính phủ

- ✓ Hệ thống thủy lợi ở ĐBSCL đã **hoàn thành sứ mệnh lịch sử trong giai đoạn 1976-2012**. Trước bối cảnh phát triển mới, hệ thống thủy lợi **cần được nâng cấp, hiện đại hóa, đáp ứng mô hình phát triển bền vững**, kiến nghị Chính phủ bố trí nguồn vốn thỏa đáng.
- ✓ Có cơ chế **quản lý liên vùng, liên ngành**; đặc biệt giữa giao thông, thủy lợi và dân cư (đề án phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với BĐKH theo tư duy quy hoạch tích hợp)
- ✓ Quy hoạch tổng thể **bố trí dân cư** dựa vào quy hoạch không gian tích hợp, **từng bước di dời dân** ở những khu vực nguy hiểm ven sông và các trục kênh rạch.

# KIẾN NGHỊ



## 2. Các Bộ

- ✓ **Bộ Tài nguyên và Môi trường:** cung cấp thông tin **diễn biến nguồn nước** thượng nguồn sông Mê Công; thông tin **dự báo** KTTV, hải văn, hạn hán, xâm nhập mặn, sụt lún đất...
- ✓ **Bộ Ngoại giao:** Đề nghị các quốc gia thượng nguồn **điều tiết nước** trong trường hợp xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt.
- ✓ **Bộ Khoa học & Công nghệ:** Có một **chương trình nghiên cứu** về ảnh hưởng của thượng lưu, BĐKH, xâm nhập mặn, sụt lún, bồi lắng, xói lở và giải pháp KH-CN.

# KIẾN NGHỊ



## 3. Địa phương

- ✓ Chủ động bố trí kinh phí thực hiện các dự án phát triển thủy lợi trên địa bàn;
- ✓ Quản lý quỹ đất cho thoát lũ, phục vụ nạo vét kênh, rạch;
- ✓ Quản lý khai thác cát trên sông, kênh, rạch; khai thác nước ngầm;
- ✓ Xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ CTTL;

## 4. Tổ chức quốc tế

- ✓ Hỗ trợ rà soát quy hoạch thủy lợi ĐBSCL trong BDKH-NBD;
- ✓ Hỗ trợ nghiên cứu giải pháp giảm thiểu tác động bất lợi đến ĐBSCL;
- ✓ Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu về thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long;

Trân trọng cảm ơn !